

# THIÊN SƯ MÃ TỔ - ĐẠO NHẤT

Tâm Thái

---o0o---

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 05-08-2009

Người thực hiện :

Nam Thiên - [namthien@gmail.com](mailto:namthien@gmail.com)

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

## Mục Lục

### Phần 1: Dẫn nhập

Sự hình thành của Thiên tông tại Trung Hoa

Cuộc đời và pháp môn Mã Tổ

Truyền thống thiên viện

Tông Mật luận về phái Thiên Hồng Châu

### Phần 2: Ngữ lục của Mã Tổ

### Phần 3: Các đệ tử của Mã Tổ

---o0o---

Thiền sư Mã Tổ (709-788) là đệ tử của thiền sư Nam Nhạc Hoài Nhượng vốn là đệ tử của Lục Tổ Huệ Năng (638-713). Số đệ tử ngộ đạo của sư lên tới 139 người, có chỗ ghi là 84 người được coi là kỷ lục so với tất cả các thiền sư khác. Nơi sư hoằng pháp là Giang Tây cũng được mệnh danh là trường thi Phật. Dòng thiền của sư sau này có những vị nổi tiếng là Hoàng Bá Hy Vận, và kế đó là Lâm Tế Nghĩa Huyền (?-866), vị tổ sáng lập tông Lâm Tế vẫn còn được truyền tiếp cho tới ngày nay. Thiên tông Trung Hoa là do công lao sáng lập của tổ Bồ Đề Đạt Ma cho đến Lục tổ Huệ Năng, nhưng kể từ thời hai vị Mã Tổ và Thạch Đầu thì mới hưng thịnh và có những đường lối, đặc điểm rõ rệt. Trong khi Mã Tổ khai đường ở Giang Tây thì Thạch Đầu Hy Thiên hoằng pháp ở Hồ Nam. Hai vị đó được coi như hai cột trụ của Thiên Tông lúc bấy giờ. Dòng thiền của Mã Tổ là tông Lâm Tế, còn dòng thiền của Thạch Đầu là tông Tào Động. “Phật giáo Trung quốc đời Đường (618-907) được coi là cực thịnh, nhiều tông phái phát triển mạnh như Thiên tông, Tịnh Độ tông, Luật tông, Pháp Tướng tông, Hoa Nghiêm tông, Mật tông ... Nhưng đến cuối đời Đường thì các tông khác đều đi tới chỗ suy

vi, chỉ có Thiền Tông là vẫn thịnh đạt xán lạn”. (trích: Lịch sử Phật giáo Trung quốc, Thích Thanh Kiểm)

Sau đây xin giới thiệu một cuốn sách nghiên cứu khá đầy đủ về thiền sư Mã Tổ.

Tóm lược sách: “*Sun Face Buddha – The Teachings of Ma-tsu and the Hung Chou School of Ch’an*.”<sup>1</sup> Tác giả: Cheng Chien Bhikshu. Nhà xuất bản: Asian Humanities Press- Berkeley, California, 1992. Tỳ kheo Cheng Chien, vốn người Yugoslavia, tục danh là Mario Poceski, sanh năm 1964, đã thọ giới tỳ kheo tại Sri Lanka năm 1983.

Tựa đề cuốn sách được dịch là: “*Mặt trời Phật - Ngũ lục của Mã Tổ và tông phái Thiền Hồng Châu*”.

---o0o---

## **Phần 1: Dẫn nhập**

Trước khi viết về cuộc đời và pháp môn của Mã Tổ (709-788) tăng Cheng Chien giới thiệu về sự phát triển Thiền tông tại Trung Hoa trong thời đại của Mã Tổ. Đời Đường thường được coi là thời cực thịnh của văn hóa Trung Hoa nhờ sự tương đối ổn định về chánh trị và kinh tế. Đạo Phật được du nhập trước đó hơn 500 năm đã phát triển rất mạnh. Đến thời đó những kinh, luận quan trọng của Phật giáo đã được dịch ra tiếng Trung Hoa, người dân đã thấm nhuần tư tưởng Phật giáo. Các tông phái đã bắt đầu xuất hiện.

Tông Thiên Thai được coi như xuất hiện trước nhất. Vị sáng lập ra tông này là Trí Khải (Chih-i) (538-597) ở núi Thiên Thai. Ngài là đệ tử của Huệ Tư (515-577) và đã thiết lập một hệ thống đầy đủ bao gồm toàn thể giáo lý đạo Phật, phối hợp lý, sự, quyền, thiết, đốn, tiệm thành một khối. Một tác phẩm quan trọng của Trí Khải là “Ma Ha Chỉ Quán”. Ảnh hưởng của Trí Khải rất quan trọng trong sự phát triển Phật giáo, nhất là đối với Hoa Nghiêm tông và Thiền Tông.

Một tông phái khác được xuất hiện sau Thiên Thai tông là Hoa Nghiêm tông, y cứ vào kinh Hoa Nghiêm (Avatamsaka sutra). Sơ tổ ở Trung Hoa là Đỗ Thuận (557-640), nhưng 2 nhân vật chủ yếu là tổ thứ 2 Trí Nghiêm (Chih-yen) (602-668) và tổ thứ 3 Pháp Tạng (Fa-tsang) (643-712). Sau đó tổ thứ 4 là Trùng Quán (Ch’eng-kuan) (738-839) cũng đã có công lớn trong việc truyền bá Hoa Nghiêm tông, đệ tử của ngài là Tông Mật (Tsong-mi) (780-841) rất nổi tiếng và là người đã bắc cầu giữa hai tông Thiền và Hoa

Nghiêm. Ảnh hưởng của Hoa Nghiêm tông và Thiền tông được thấy rõ trong pháp môn của Mã Tổ.

---o0o---

### **Sự hình thành của Thiền tông tại Trung Hoa**

Vị tổ thứ nhất của Thiền tông tại Trung Hoa là Bồ Đề Đạt Ma (?-532, có nơi ghi là 470-543). Tổ vốn là vị tổ thứ 28 Thiền tông đã từ Ấn Độ qua miền Nam Trung Hoa vào khoảng cuối thế kỷ thứ 5. Cuộc đời của tổ không được ghi rõ lắm, tổ có để lại tác phẩm “Thiền Thất Lục Môn”, ghi sáu cửa vào động Thiền thất, tức sáu pháp môn để vào cửa Thiền. Tổ thứ hai là Huệ Khả (487-593), người Trung Hoa. Năm 40 tuổi Huệ Khả thọ pháp của tổ Bồ Đề Đạt Ma và theo tu học 6 năm, được tổ trao cho cuốn kinh Lăng Già (Lankavatara Sutra) coi như căn bản Phật pháp. Tổ thứ 3 là Tăng Xán, viết tác phẩm Tín Tâm Minh. (Tổ gặp một vị sư người Ấn Độ tên Tỳ Ni Đa Lưu Chi sang Trung Hoa cầu pháp. Sư Tỳ Ni Đa Lưu Chi được truyền tâm ấn và được tổ khuyên qua phương Nam để tiếp độ chúng sinh, và sau này được coi là sơ tổ Thiền tông Việt Nam- trích Tín Tâm Minh nghĩa giải, của Thuận Tâm - Nhựt Quang)

Tổ thứ 4 là Đạo Tín (580-651). Từ thời Đạo Tín thì lịch sử Thiền tông đã bắt đầu được ghi chép rõ ràng. Đệ tử của tổ lên đến 500 người. Đạo pháp của tổ được đệ tử ghi thành cuốn (Record of the Transmission of the Lankavatara).

Tổ thứ 5 là Hoàng Nhẫn (601-674). Sư họ Châu, ở tại huyện Huỳnh Mai. Năm lên 7 được tổ Đạo Tín thu nhận và ở với tổ 30 năm. Khi tổ Đạo Tín tịch năm 651 thì Hoàng Nhẫn dời về Huỳnh Mai. Sau này hai pháp môn của Đạo Tín và Hoàng Nhẫn được gọi là Pháp môn Đông Sơn, là tên núi tổ ở. Pháp môn của Hoàng Nhẫn được ghi trong Tồi thượng thừa luận ? (Discourse on the Essentials of Mind Cultivation). Nhiều đệ tử của Hoàng Nhẫn đã chứng ngộ có nhiều người nhưng nổi tiếng là Thần Tú (Shen-hsui) và Huệ Năng (Hui-neng).

Thần Tú (606?-706) truyền bá Thiền tông về hướng Bắc, tại kinh Tràng An và Lạc Dương theo phương pháp tiệm tu, còn Huệ Năng về phương Nam, tại tỉnh Hồ Nam và Giang Tây theo phương pháp đốn ngộ. Thần Tú xuất gia năm 20 tuổi theo học kinh, luận, đến năm 45 tuổi mới đến Huỳnh Mai thọ pháp Hoàng Nhẫn, và ở đó 6 năm, sau khi được truyền tâm ấn, sư đến trụ trì ở chùa Ngọc Tuyền ở Kinh Châu khoảng năm 676-679, đệ tử theo học rất đông (có tài liệu ghi hơn 3000 người) và nổi tiếng, nên đến năm 701 sư được

triều đình mời về Trảng An hoằng pháp. (Khi sư tịch được phong là Đại Thông thiền sư).

Huệ Năng (638-713) họ Lư sanh ở Tân Châu, cha mất sớm, làm nghề bán củi để giúp đỡ mẹ già. Đến năm 25 tuổi thì đến chùa Đông sơn tại huyện Huỳnh Mai thụ giáo Hoàng Nhẫn. Sau khi được tổ Hoàng Nhẫn truyền tâm ấn, trao y bát chứng nhận sư là người kế nghiệp và như vậy là vị tổ Thiền tông Trung Hoa thứ 6. Sư đi ẩn dật ở miền Nam trong 16 năm. Khi biết thời cơ đã tới, sư đến chùa Pháp Tánh tại Quảng Châu. Nơi đây sư mới chánh thức thọ giới tỳ kheo từ luật sư Trí Quang. Đến năm 676 tổ dời về chùa Bửu Lâm ở Tào Khê và hoằng pháp tại đó khoảng 40 năm cho đến khi tịch. Pháp môn và cuộc đời của tổ được ghi lại trong cuốn Pháp Bảo Đàn kinh. Tổ truyền pháp Vô Niệm, và Định Huệ đồng tu. Tổ nhấn mạnh cần thấy tự tánh, tức kiến tánh, bằng pháp tu vô tướng, vô trụ và vô niệm. Công lao truyền dựng pháp môn của Lục tổ Huệ Năng phần lớn là do Thần Hội Hà Trạch (Shen-Hui, 670-762 hoặc 684-758). Những đệ tử nổi tiếng của Huệ Năng gồm có: Nam Nhạc Hoài Nhượng (677-744), Vĩnh Gia Huyền Giác (665-713) trước tác tập Chứng Đạo Ca, Thanh Nguyên Hành Tư (660-740), Nam Dương Huệ Trung sau này là Quốc sư (?-775).

Ngoài tông chánh thống kể trên còn có vài tông phái Thiền khác nhưng không phát triển được bao lâu và đã suy tàn. Đó là thiền phái Ngưu Đầu do Pháp Dung (594-657) sáng lập. Pháp Dung được coi như là đệ tử của Tứ tổ Đạo Tín, trụ trì tại núi Ngưu Đầu (có tài liệu khác ghi Pháp Dung là đệ tử của tổ Hoàng Nhẫn). Ngoài ra có tông Tứ Xuyên mà đại diện là sư (Wu-hsiang) và sư (Wu-chu).

---o0o---

### ***Cuộc đời và pháp môn Mã Tổ***

Sư họ Mã, sanh năm 709 tại Hán Châu gần biên giới Tây Tạng. Từ hồi còn nhỏ sư đã xuất gia với hòa thượng Đường (Ch'u-chi) (665-732), hòa thượng Đường vốn là đệ tử của (Chih-shen) (609-702) nguyên là một đệ tử của Ngũ tổ Hoàng Nhẫn.

Trong một tài liệu Tông Mật (Tsung-mi) có ghi là Mã Tổ theo học hòa thượng Kim có pháp danh là (Wu-hsiang), người Đại Hàn (684-762) mà cũng là đệ tử của hòa thượng Đường. Hai hòa thượng Đường và Kim đều là những vị Thiền sư nổi tiếng thời đó. Hòa thượng Kim dạy pháp 3 câu là: không nhớ (no-remembering), không nghĩ (no-thought), không quên (no-

forgetting) liên quan tới giới, định, huệ của các kinh Phật. Mục đích của “ba không” là không nhớ những quá khứ, không lo nghĩ về tương lai để chuyên chú tu tập. Do đó nên tác giả Cheng Chien cho rằng có lẽ Mã Tổ chịu nhiều ảnh hưởng của phái thiền Tứ Xuyên của hoà thượng Kim hơn là của thiền sư Hoài Nhượng sau này.

Năm 738 Mã Tổ thọ giới tỳ kheo với luật sư Viên ở Du Châu và sau đó đã dời Tứ Xuyên đến vùng Trung của Trung Hoa. Khoảng năm 738 đến 742 sư tới Hoành Nhạc ? (Heng-yueh) và chuyên tu thiền định theo thiền Bắc phái, vì sư thường hay nhắc tới kinh Lăng Già vốn được áp dụng tại Bắc phái, thay vì theo kinh Kim Cang thường được nhắc tới tại Nam phái. Vấn đề đó không được ghi rõ ràng lắm.

Khi ở Hoành Nhạc thì Mã Tổ có gặp và theo học thiền sư Hoài Nhượng trong 10 năm. Sau khi rời Hoài Nhượng khoảng năm 750 thì sư du phương để tiếp tục tu tập và giáo hóa. Đó là thời mà Trung Hoa có nhiều xáo trộn trong xã hội vì có loạn An Lộc Sơn và nhà Đường bắt đầu suy đồi. Vào khoảng năm 776-779 Mã Tổ đến Kiến Dương, kể dời đến núi Cung Đông Nam Dương cho đến khi sư tịch năm 788. Tại đó học giả các nơi tụ hội về rất đông. Số đệ tử ngộ đạo lên đến 139 người - có tài liệu ghi 84 người - hơn tất cả những thiền sư khác.

Dòng thiền của Mã Tổ sau này được gọi là phái Hồng Châu, là nơi mà Mã Tổ và các đệ tử truyền bá. Pháp môn này được các đệ tử truyền bá khắp Trung Hoa trong thế kỷ thứ 9. Mã Tổ cùng với Thạch Đầu Hy Thiên thời đó là hai vị đã đem lại cho Thiền tông Trung Hoa sự phát triển lớn mạnh đời Đường.

Mối liên quan giữa Mã Tổ và Thạch Đầu rất là đặc biệt. Không có tài liệu nào ghi việc gặp mặt của hai vị đó nhưng họ rất quý trọng nhau. Nhiều tăng đã theo học cả hai vị. Nhiều khi vị này lại giới thiệu đệ tử của mình qua tham vấn vị kia. Có thể nói là Thiền tông đã bước qua giai đoạn mới trong giai đoạn này, có tính cách cởi mở và trực tiếp. Những phương pháp giảng dạy như quát, đánh, những câu hỏi như bí hiểm là do ảnh hưởng của Mã Tổ. Có thể nói rằng kể từ thế kỷ thứ chín cho đến nay các vị đại thiền sư đều là đệ tử tinh thần của Mã Tổ và Thạch Đầu.

Căn bản của pháp môn Mã Tổ là thuyết Như Lai Tạng (tathagatagarbha). Thuyết này đã được nêu lên trong nhiều kinh điển, đặc biệt là kinh Hoa

Nghiêm, phẩm Như Lai Xuất Hiện. Thuyết Như Lai Tạng cũng có được nói đến trong kinh Lăng Già.

Theo thuyết Như Lai Tạng thì tất cả các chúng sinh đều có Chân Tâm (True Mind) mà vốn xưa nay sáng suốt, thanh tịnh nhưng thường bị vọng tưởng che lấp. Tuy cái Chân Tâm hoặc Phật tánh (Buddha nature) đó ngoài sự nghĩ lường và không có dấu vết gì, nhưng tùy duyên có thể biểu hiện thành mọi thứ. Cái đặc tính năng động đó của Chân Tâm rất là quan trọng đối với Mã Tổ vì sự cho rằng việc chứng ngộ là do nhận được những biểu hiện đó. Đạo không phải là những nguyên tắc siêu hình trừu tượng, mà những lời nói, ý nghĩ và hành động của mình đều là sự biểu hiện của Chân Tâm. Sự thật thường có mặt trong tất cả mọi thứ - là tất cả mọi thứ - mọi thứ đây có nghĩa là mọi pháp, chỉ vì chúng ta chìm đắm trong si mê nên không nhận ra điều đó.

Chúng sanh không biết trở về nguồn nên chỉ biết chạy theo danh và tướng, do đó vọng tưởng khởi lên và tạo ra muôn nghiệp. Vì vậy mê là mê cái bản tâm, và ngộ chỉ là ngộ cái bản tâm.

Vì Chân Tâm thì ai cũng có cho nên nói không phải tu mà được, cũng có nghĩa là không có thứ lớp. Tuy vậy vì chúng sanh quá si mê nên phải nói có nhiều pháp tu. Vọng tưởng nói đây là tâm phân biệt tốt và xấu, đúng và sai, phàm và thánh; vọng tưởng là những ý nghĩ hai bên, tạo ra những kiến chấp và coi đó là thật. Vì vậy thay vì lo diệt vọng thì chỉ cần thấy bản chất của chúng là không. Tu là buông xả những thói quen tạo mọi thành kiến và để cho cái bản thể tự biểu hiện.

Câu mà Mã Tổ thường chỉ rõ pháp tu đó là : “Tâm bình thường là Đạo”. Tâm bình thường là tâm không chấp những điều như là tốt và xấu, đúng và sai, thường và vô thường, phàm và thánh; đó là cái tâm không chấp, cũng không xả. Câu chuyện sau đây giữa Nam Tuyền (747-834) và Triệu Châu (778-897) chỉ rõ về nghĩa “Tâm bình thường”:

Triệu Châu hỏi Nam Tuyền: “Thế nào là đạo?”

Nam Tuyền đáp: “Tâm bình thường là đạo”

- Lại có thể nhằm tiến đến chăng?

- Nghĩ nhằm tiến đến là trái.

- Khi chẳng nghĩ làm sao biết là đạo?

- Đạo chẳng thuộc biết và chẳng biết, biết là vọng giác, không biết là vô ký.

Nếu thật đạt đạo thì chẳng nghĩ, ví như hư không, thênh thang rộng rang,

đâu thể gắng nói phải quấy?

(trích từ Trung Hoa chú thiên đức hành trạng, của H.T. Thích Thanh Từ)

Pháp môn của Mã Tổ được coi thuộc truyền thống “đốn ngộ”, tức là khác với “tiệm ngộ”. Nhưng trong khi công việc tu tập hàng ngày thì vẫn phải có sự giảng giải, chỉ dẫn nên không sao tránh khỏi việc dẫn dắt đệ tử từng bước. Các tài liệu không ghi rõ sự hướng dẫn tu tập ra sao nhưng theo các ngữ lục của các đệ tử thời sau này thì vẫn có sự thờ phụng, tụng kinh, học hỏi, giới luật và ngòai thiền. Chỉ sau khi các đệ tử đã có trình độ căn bản thì mới áp dụng pháp chỉ thẳng của Thiền tông. Trong ngữ lục của Mã Tổ cũng có nói tới các kinh điển như Lăng Già, Duy Ma Cật, Hoa Nghiêm, Lăng Nghiêm, Pháp Hoa ... Các thiền sư chỉ nhấn mạnh đến việc đừng quá chấp chặt vào kinh điển rồi có những quan điểm sai lạc mà rất thịnh hành ở nhà Đường thời đó.

Pháp môn Thiền tông đều được căn cứ từ các kinh điển. Thí dụ như lời giảng “tức tâm tức Phật” cũng được thấy trong đoạn sau đây ở kinh Hoa Nghiêm:

“Cũng vậy, trí huệ của Như Lai vô lượng, vô ngại có thể lợi ích khắp tất cả chúng sanh, đầy đủ trong thân chúng sanh. Chỉ vì hàng phàm phu vọng tưởng chấp trước nên chẳng biết, chẳng hay, chẳng được lợi ích.

Bấy giờ đức Như Lai do trí nhãn thanh tịnh, vô ngại xem khắp pháp giới tất cả chúng sanh mà nói rằng: Lạ thay, lạ thay! Tại sao các chúng sanh này có đủ trí huệ Như Lai, mà ngu si mê lầm chẳng hay, chẳng thấy. Ta nên đem thánh đạo này dạy cho họ lìa hẳn vọng tưởng chấp trước. Từ trong thân, họ thấy được trí huệ Như Lai quảng đại, như Phật không khác.” (Phẩm Như Lai xuất hiện, Kinh Hoa Nghiêm, tập 3, trang 408)

và trong đoạn khác:

“Như tâm, Phật cũng vậy  
Như Phật, chúng sanh đồng  
Phải biết Phật cùng tâm  
Thế tánh đều vô tận”

(Phẩm Dạ Ma Cung, tập 1, trang 661)

Câu “Phi tâm, phi Phật” cũng thấy trong kinh:

“Chúng sanh vọng phân biệt,  
Là Phật, là thế giới,

Người liễu đạt pháp tánh  
Không Phật, không thế giới”  
(Phẩm Đầu Suất kệ tán, tập 2, trang 74)

và về câu “chẳng mắc danh tự”:

“ Vì Bồ Tát này nghĩ rằng: Tôi phải quán sát tất cả các pháp như huyễn, chư Phật như bóng, Bồ Tát hạnh như giấc mơ, Phật thuyết pháp như vang. Tất cả thế giới như hóa ...”

(Phẩm Thập hạnh, tập 1, trang 686)

(Những đoạn trích này đều từ bản dịch kinh Hoa Nghiêm của hoà thượng Thích Trí Tịnh)

Như vậy những lời giảng dạy của Thiền tông không có sai khác với kinh điển nhưng chỉ khác biệt về cách trình bày và áp dụng trong việc tu tập cũng như đời sống hàng ngày. Các thiền sư giảng dạy một cách tự do, không câu nệ mà mục đích là giúp cho đệ tử vượt khỏi vọng tưởng và đạt tới giải thoát. Vì vậy những lời nói rất là sống động, mạnh mẽ, đi thẳng vào tâm can đệ tử. Các ngài không dùng những lý thuyết trừu tượng hoặc mỹ từ, như vậy các đệ tử có thể tập trung tâm trí trực tiếp vào việc thâm nhuần trí huệ vô biên của đức Phật.

---o0o---

### ***Truyền thống thiền viện***

Theo truyền thống của đức Phật, những bài pháp thường là phương tiện tùy theo trường hợp để dẫn dắt đệ tử qua những chướng ngại để vượt qua những đám mây vô minh tới ánh mặt trời trí huệ. Vì vậy không cần một hệ thống cố định trong việc giáo hóa mà chỉ chú trọng việc thực hành và kinh nghiệm. Truyền thống này cũng được áp dụng trong việc truyền bá Thiền tông. Không như các tông phái khác thường dùng một học thuyết cố định để giáo hóa, các thiền sư từ thời Mã Tổ trở đi đều tùy căn cơ đệ tử mà dùng những phương pháp khác nhau để giảng dạy. Như thiền sư Lâm Tế có nói: “Sơn tăng chẳng có một pháp cho người, chỉ là trị bệnh mở trời”. Pháp môn Thiền tông chỉ có thể hiểu được trong sự liên hệ giữa thầy và đệ tử, và chính cái đặc tính linh động đó đã làm cho Thiền tông có sức mạnh. Cho nên muốn hiểu Thiền tông thì cần biết rõ bối cảnh xã hội, văn hóa, nhất là cơ chế hoạt động của Thiền tông lúc đó. Điều mà các học giả phương Tây thường



mắc phải là hay suy nghĩ theo hoàn cảnh hiện tại mà tìm hiểu các pháp môn Thiền cho nên có nhiều hiểu biết sai lạc.

Việc tổ chức thiền viện ở thế kỷ thứ tám và chín thì không có nhiều tài liệu ghi chép. Chỉ sau khi thiền sư Bá Trượng Hoài Hải (724-814) soạn ra bộ quy tắc trong nhà thiền, gọi là “Bá Trượng thanh quy” thì việc tổ chức các thiền viện được ấn định rõ ràng và được áp dụng mọi nơi. Có thể nói rằng từ lúc đó Thiền tông đã có một tổ chức khác với các tông phái khác trong Phật giáo. Một điểm đặc biệt là theo giới luật của Tiểu thừa và Đại thừa thì các tăng không được phép trồng trọt, nhưng Bá Trượng lại bắt buộc các tăng phải trồng trọt để thiền viện được tự túc về lương thực. Phần vì lúc đó số tăng rất đông cho nên không thể chỉ trông chờ bá tánh cung cấp được. Việc tổ chức chư tăng rất chu đáo, chỉ rõ từng chi tiết trong việc ăn, ở, tu tập, công tác cùng những kỷ luật rất nghiêm nghị. Các tăng có quyền đi đến bất cứ thiền viện nào để tham vấn, học hỏi. Có biết rõ về bối cảnh sinh hoạt đó thì mới hiểu được cách giảng dạy đặc thù của các thiền sư.

---o0o---

### ***Tông Mật luận về phái Thiền Hồng Châu<sup>2</sup>***

Tông Mật Khuê Phong (780-841)<sup>3</sup>, người Quảng Châu tỉnh Tứ Xuyên. Năm 25 tuổi Tông Mật theo học thiền sư Đạo Viên thuộc Thiền tông. Sau đó sư rời đi miền Trung năm 812 và là đệ tử sư Trùng Quán, vị tổ thứ 4 tông Hoa Nghiêm. Sư viết rất nhiều tác phẩm về kinh và luận. Sư là tổ thứ 5 tông Hoa Nghiêm và cũng là thiền sư của Thiền tông cho nên những bài viết của sư bao gồm cả hai tông. Tài liệu về Thiền tông thuộc thế kỷ thứ 8 thường căn cứ theo sách của Tôn Mật. Tác phẩm chính thường được nhắc tới là: ***“Thiền Nguyên Chư Thuyên Đô Tập”***

Tông Mật viết: “Pháp môn của Mã Tổ- cũng được gọi là phái Hồng Châu là nơi Mã Tổ, Bá Trượng đặt thiền viện- dạy rằng tất cả các pháp đều là đạo, là biểu hiện của Phật tánh, như vậy việc tu tập là để cho tâm được biểu hiện một cách tự nhiên.

Tự tánh của muôn pháp thì không hình tướng, không động, không thể diễn tả bằng cách nào được, không phạm không thánh, không nhân không quả, không thiện không ác. Nhưng khi nó biểu hiện thì có nhiều thứ, là phạm là thánh, có hình có tướng ... Cái mà đã tạo ra nói năng, động tác, tham, sân, từ bi, nhẫn nhục, thiện, ác, khổ, vui ... chính là Phật tánh của chúng sanh. Đó

là bản Phật, và ngoài cái đó ra không có Phật nào khác. Cho nên không thể khởi tâm để tu Đạo được. Đạo là tâm, không thể đem tâm để tu tâm. Không đoạn, không tu, chỉ cần tự tại, đó là giải thoát. Tánh như hư không, không tăng không giảm. Đâu cần phải làm cho nó đầy đủ. Chỉ tùy thời, tùy nơi ngưng tạo nghiệp. Đây tức là chân ngộ, chân tu, chân chứng.”

Nhưng nếu chỉ quá chú trọng về khía cạnh năng động của Phật tánh thì có thể sẽ bỏ sót phần bản thể. Khi Chân tâm biểu hiện ra do duyên cảnh thì nó vẫn có cái chức năng cố hữu của nó, đó là điều mà có thể phái Hồng Châu sơ sót chẳng.

Tông Mật viết: “Bản chất của Chân Tâm có hai chức năng: đó là chức năng cố hữu của bản thể và chức năng tùy duyên mà biểu hiện. Có thể ví như tấm gương. Thể chất của cái gương coi như bản chất của tự tánh, cái tính sáng chiếu của gương là chức năng của cái gương. Những hình ảnh phản chiếu trong gương là chức năng tùy duyên biểu hiện. Hình ảnh hiện ra trong gương thì có nhiều nhưng tính sáng chiếu thì không thay đổi. Cái hằng biết của tâm là cái chức năng của tự tánh, còn cái khả năng nói năng, phân biệt, hành động ... là tùy duyên mà có. Như vậy, khi phái Hồng Châu chỉ nhấn mạnh về khả năng biết nói năng v.v.. thì đã bỏ sót cái chức năng cố hữu của tự tánh.”

Vì phái Hồng Châu cho rằng “cái bản chất của tâm không thể chỉ tới được, mà chỉ khi cái khả năng nói năng... biểu hiện thì mới thấy được Phật tánh”. Tông Mật cho rằng đó là sự thiếu sót. Dù rằng thể và dụng đều là những khía cạnh của một thực tại, nhưng cùng lúc chúng khác nhau về phương diện quy ước. Tông Mật viết: “Bây giờ phái Hồng Châu nói rằng sân và si, giới và định đều là Phật tánh. Vì họ chú trọng về chức năng nên không phân biệt vô minh và giác ngộ. Ví như khi gió ngưng, sau khi ngộ rồi thì những vọng tưởng tự ngừng giống như sóng tự lặng. Thân và tâm sẽ thể hiện định và huệ, như vậy hành giả sẽ lần lần được giải thoát ... Phái Hồng Châu thường cho rằng tham, sân, từ bi và phước báo cũng đều là Phật tánh, như vậy đâu có gì sai khác? Như vậy cũng như cho rằng tánh ướt của nước không có thay đổi, nhưng họ không thấy rằng có sự khác biệt lớn giữa con tàu đang đi trên mặt nước và con tàu đang chìm xuống đáy. Như vậy phái này đã gần kề đón ngộ nhưng không đạt tới được, về việc tiêm tu cũng bị hiểu lầm.” Tác giả cho rằng có thể nói là đứng về phương diện cứu cánh thì muôn pháp đều là sự thể hiện của Chân Tâm và vô minh và giác ngộ đều cùng từ một gốc mà ra, nhưng đứng về phương diện quy ước thì thật có sự khác biệt lớn lao giữa vô minh và giác ngộ, chánh và tà, và luật nhân quả vẫn rành rành.

Chỉ đứng về một phương diện và nhận xét về muôn pháp thì chỉ có cái nhìn lệch lạc, không thấy được sự hòa hợp của toàn thể. Điều đó là sự chướng ngại cho sự tu hành khi biết rằng không có gì phải tu, nhưng thực tế cần phải có sự tu hành. Chính sự chướng ngại đó đã là động lực để sau này Thiền tông phải vận dụng để giải quyết theo thực tế. Tông Mật cho rằng điểm thiếu sót của phái Hồng Châu là quá chú trọng về phương diện cứu cánh mà không chú ý tới điều thực tế quy ước.

Nhưng tác giả cũng không biết chắc là những chỉ trích của Tông Mật là nhắm vào Mã Tổ hay là vào những đệ tử sau này đã hiểu lầm ý của Mã Tổ. Thực ra trong nhiều đoạn ghi lại pháp môn của những thiền sư phái Hồng Châu cũng có nhiều sai lạc, nhưng cũng có nhiều đoạn ghi nhiều thiền sư phái đó có giải thích rõ ràng giống như những chỉ trích của Tông Mật. Như vậy chúng ta chỉ có thể đoán rằng nhiều đệ tử ghi lại những lời của các thiền sư không đúng hẳn và họ đã áp dụng một cách sai lạc. Nhiều thiền sư cuối đời Đường đã than phiền là nhiều thầy đã đi lầm đường. (Ghi chú: xin coi Lâm Tế ngữ lục để thấy rõ tổ mắng nhiếc không tiếc lời về những sai lầm của những “lão trọc” ) Dầu sao những chỉ trích của Tông Mật cũng giúp ích cho chúng ta lưu ý và hiểu rõ hơn về các pháp môn của các thiền sư. Tác giả kết luận trong phần dẫn nhập là: dầu các câu như “không gì không phải là Đạo”, “không có vọng tưởng để trừ” rất hấp dẫn về lý, và đúng với tông môn cứu cánh của tổ Bồ Đề Đạt Ma nhưng cũng cần phải thấy rõ những thọ cảm bất thường, những suy tư mông lung cần phải giải quyết.

---o0o---

## **Phần 2: Ngữ lục của Mã Tổ**

Phần này trong cuốn sách rất dài, ghi những câu chuyện theo những tài liệu được truyền lại khi Mã Tổ giảng dạy các đệ tử. Nhiều cuốn sách của các tác giả khác cũng đã dịch như vậy, nên chỉ xin trích sau đây một vài bài thôi.

Một hôm Sư dạy chúng:

- Các người mỗi người tin tâm mình là Phật, tâm này tức là tâm Phật. Tổ Đạt-ma từ Nam Ấn sang Trung Hoa truyền pháp Thượng thừa nhất tâm, khiến các người khai ngộ. Tổ lại dẫn kinh Lăng-già để ấn tâm địa chúng sanh. Sợ e các người điên đảo không tự tin pháp tâm này mỗi người tự có,

nên kinh Lăng-già nói: "Phật nói tâm là chủ, cửa không là cửa pháp." (Phật ngữ tâm vi tông, vô môn vi pháp môn.)

Phàm người cầu pháp nên không có chỗ cầu, ngoài tâm không riêng có Phật, ngoài Phật không riêng có tâm, không lấy thiện chẳng bỏ ác, hai bên như sạch đều không nương cậy, đạt tánh tội là không, mỗi niệm đều không thật, vì không có tự tánh nên tam giới chỉ là tâm, sum la vạn tượng đều là cái bóng của một pháp, thấy sắc tức là thấy tâm, tâm không tự là tâm, nhân sắc mới có.

Các người chỉ tùy thời nói năng tức sự là lý, trọn không có chỗ ngại, đạo quả Bồ-đề cũng như thế. Nơi tâm sanh ra thì gọi là sắc, vì biết sắc không, nên sanh tức chẳng sanh. Nếu nhận rõ tâm này, mới có thể tùy thời ăn cơm mặc áo nuôi lớn thai thánh, mặc tình thàng ngày trôi qua, đâu còn có việc gì. Các người nhận ta dạy hãy nghe bài kệ này:

Tâm địa tùy thời thuyết  
Bồ-đề diệc chỉ ninh  
Sự lý câu vô ngại  
Đương sanh tức bất sanh.

Dịch:

Đất tâm tùy thời nói  
Bồ-đề cũng thế thôi  
Sự lý đều không ngại  
Chính sanh là chẳng sanh.

\*

Một hôm Sư dạy chúng:

- Đạo không dụng tu, chỉ đừng ô nhiễm. Sao là ô nhiễm? - Có tâm sanh tử, tạo tác, thú hướng đều là ô nhiễm. Nếu muốn hội thẳng đạo ấy, tâm bình thường là đạo. Sao gọi là tâm bình thường? -Không tạo tác, không thị phi, không thủ xả, không đoạn thường, không phạm thánh. Kinh nói: "Chẳng phải hạnh phàm phu, chẳng phải hạnh thánh hiền, là hạnh Bồ-tát." Chỉ như hiện nay đi đứng ngồi nằm, ứng cơ tiếp vật đều là đạo. Đạo tức là pháp giới, cho đến diêu dụng như hà sa đều không ngoài pháp giới. Nếu chẳng phải vậy, tại sao nói "pháp môn tâm địa", tại sao nói "vô tận đấng"? Tất cả pháp đều là pháp của tâm, tất cả tên đều là tên của tâm. Muôn pháp đều từ tâm

sanh, tâm là cội gốc của muôn pháp. Kinh nói: "Biết tâm đạt cội nguồn nên hiệu là Sa-môn." Tên đồng, nghĩa đồng, tất cả pháp đều đồng thuần nhất không lẫn lộn.

Nếu ở trong giáo môn được tùy thời tự tại thì dựng lập pháp giới trọn là pháp giới, lập chân như là chân như, lập lý tất cả pháp trọn là lý, lập sự tất cả pháp trọn là sự, nắm giữ một thì ngàn theo, sự lý không khác, toàn là diệu dụng. Lại không có lý riêng, đều do xoay lại của tâm. Ví như bao nhiêu bóng mặt trăng thì có, mà bao nhiêu mặt trăng thật thì không, bao nhiêu nguồn nước thì có, mà bao nhiêu tánh nước thì không, bao nhiêu sum la vạn tượng thì có, mà bao nhiêu hư không thì không, bao nhiêu lời nói đạo lý thì có, mà bao nhiêu Tuệ vô ngại thì không; bao nhiêu các thứ thành lập đều do một tâm. Dựng lập cũng được, dẹp hết cũng được, thấy là diệu dụng. Diệu dụng trọn là nhà mình, chẳng phải lìa chân mà có, nơi nơi đều chân, thấy đều là thể của nhà mình.

Nếu chẳng vậy, lại là người nào? Tất cả pháp đều là Phật pháp, các pháp tức là giải thoát, giải thoát tức là chân như, các pháp không ngoài chân như, đi đứng ngồi nằm thấy là dụng bất tư nghi, không đợi thời tiết. Kinh nói: "Chỗ chỗ nơi nơi đều có Phật." Phật là năng nhân, có trí tuệ khéo hợp lòng người, hay phá lưới nghi cho tất cả chúng sanh, vượt ra vòng trói buộc của có và không v.v... tình chấp phàm thánh hết, nhân pháp đều không, chuyên bánh xe không gì hơn, vượt các số lượng, việc làm không ngại, sự lý đều thông, như trời hiện mây, chợt có lại không, chẳng để dấu vết. Ví như vẽ nước thành lặn, không sanh không diệt. Đại tịch diệt tại triền gọi là Như lai tạng, xuất triền gọi là Pháp thân thanh tịnh. Thể không tăng giảm, hay lớn hay nhỏ, hay vuông hay tròn, hợp vật hiện hình như trăng trong nước, vận dụng mênh mêng, không lập mầm gốc chẳng hết hữu vi, không trụ vô vi. Hữu vi là dụng của vô vi, vô vi là chỗ nương của hữu vi, chẳng trụ chỗ nương, nên nói: "Như không chẳng chỗ nương." Nghĩa tâm sanh diệt, nghĩa tâm chân như: Tâm chân như dụ như gương sáng soi vật tượng. Gương dụ tâm, vật tượng dụ pháp. Nếu tâm chấp pháp là dính với cái nhân bên ngoài, tức là nghĩa sanh diệt. Tâm không chấp pháp tức là nghĩa chân như.

Thanh văn tai nghe Phật tánh. Bồ-tát mắt thấy Phật tánh. Liễu đạt không hai gọi là bình đẳng tánh. Tánh không có khác, dụng thì chẳng đồng. Tại mê là thức, tại ngộ là trí. Thuận lý là ngộ, theo sự là mê. Mê tức là mê bản tâm mình, ngộ là ngộ bản tánh mình. Một phen ngộ là hằng ngộ chẳng trở lại mê. Như đang khi mặt trời mọc lên không trở lại tối. Mặt trời trí tuệ xuất hiện,

không chung cùng cái tối phiền não. Liều đạt cảnh giới của tâm liền trừ vọng tưởng. Vọng tưởng đã trừ tức là vô sanh. Pháp tánh sẵn có, có chẳng nhờ tu. Thiền không thuộc ngồi, ngồi tức có chấp trước. Nếu thấy lý này là chân chánh hiệp đạo, tùy duyên qua ngày, đứng ngồi theo nhau, giới hạnh huân thêm, nhóm nơi tịnh nghiệp. Chỉ hay như thế, lo gì chẳng thông.

\*

Một đêm, Trí Tạng, Hoài Hải, Phổ Nguyện theo hầu Sư xem trăng.

Sư hỏi:- Ngay bây giờ nên làm gì?

Trí Tạng thưa:- Nên cúng dường.

Hoài Hải thưa:- Nên tu hành.

Phổ Nguyện phủi áo ra đi.

Sư bảo:- Kinh vào Tạng, Thiền về Hải, chỉ có Phổ Nguyện vượt ngoài sự vật.

\*

Có vị Tăng hỏi:

- Ly tứ cú tuyệt bách phi, thỉnh Thầy chỉ thẳng ý Tổ sư từ Ấn Độ sang?

Sư đáp:

- Hôm nay ta mệt nhọc không thể vì người nói, người đến hỏi Trí Tạng. Vị Tăng ấy đến hỏi Trí Tạng.

Trí Tạng bảo:- Sao không hỏi Hòa thượng?

Tăng đáp:- Hòa thượng dạy đến hỏi Thầy.

Trí Tạng hỏi:

- Hôm nay tôi đau đầu, không thể vì ông nói, đến hỏi Sư huynh Hải.

Tăng đến hỏi Hoài Hải, Hoài Hải bảo:- Đến chỗ ấy tôi cũng chẳng hội.

Tăng trở lại trình Sư, Sư bảo:- Tạng đau bạch, Hải đau hắc.

\*

Huệ Hải đến tham vấn Mã Tổ.

Mã Tổ hỏi:- Từ đâu đến?

Huệ Hải thưa:- Ở Việt Châu chùa Đại Vân đến.

- Đến đây tính cầu việc gì?
  - Đến cầu Phật pháp.
  - Kho báu nhà mình chẳng đoái hoài, bỏ nhà chạy đi tìm cái gì? Ta trong ấy không có một vật, cầu Phật pháp cái gì?
- Huệ Hải lễ bái, thưa:- Cái gì là kho báu nhà mình của Huệ Hải?
- Chính nay người hỏi ta, là kho báu của người, đầy đủ tất cả không thiếu thốn, tự do sử dụng, đâu nhờ tìm cầu bên ngoài.
- Ngay câu này, Huệ Hải tự nhận bản tâm không do hiểu biết, vui mừng lễ tạ.

\*

Lúc còn tại gia, Huệ Tạng chuyên nghề săn bắn, không thích gặp các nhà tu. Một hôm, nhân đuổi bầy nai chạy qua trước am Mã Tổ, gặp Mã Tổ đứng trước.

Huệ Tạng hỏi:- Hòa thượng thấy bầy nai chạy qua đây chẳng?

Mã Tổ hỏi lại:- Chú là người gì?

- Thợ săn.
  - Chú bắn giỏi không?
  - Bắn giỏi.
  - Một mũi tên chú bắn được mấy con?
  - Một mũi bắn được một con.
  - Chú bắn không giỏi.
  - Hòa thượng bắn giỏi không?
  - Bắn giỏi.
  - Một mũi tên Hòa thượng bắn được mấy con?
  - Một mũi tên bắn được một bầy.
  - Sanh mạng chúng nó, đâu nên bắn một bầy.
  - Chú đã biết như thế, sao không tự bắn?
  - Nếu dạy tôi bắn tức không có chỗ hạ thủ.
  - Chú này phiền não vô minh nhiều kiếp, ngày nay chóng dứt.
- Ngay khi đó, Huệ Tạng ném cung bẻ tên, tự lấy dao cạo tóc, theo Mã Tổ xuất gia.

Một hôm, Huệ Tạng làm việc ở nhà trù, Mã Tổ xuống hỏi:

- Làm việc gì?

Huệ Tạng thưa:- Chăn trâu.

- Làm sao chăn?
- Một khi vào cỏ, bèn nắm mũi kéo lại.
- Con thật là chăn trâu.

\*

Có vị Tăng hỏi:- Hòa thượng vì cái gì nói tức tâm tức Phật?

Mã Tổ đáp:- Vì võ con nít khóc.

- Con nít nín rồi thì thế nào?
- Phi tâm phi Phật.
- Người trừ được hai thứ này rồi, phải dạy thế nào?
- Nói với y là "phi vật".
- Khi chợt gặp người thế ấy đến thì phải làm sao?
- Hãy dạy y thế hội đại đạo

\*

(Những đoạn dịch trong phần 2 trích từ “Trung Hoa chư thiên đức hành trạng” của HT Thích Thanh Từ)

---o0o---

### **Phần 3: Các đệ tử của Mã Tổ**

Phần này ghi ngữ lục của một số đệ tử của Mã Tổ. Những ngữ lục này bằng tiếng Việt có thể được tham khảo trong các cuốn “Trung Hoa chư thiên đức hành trạng” của HT Thích Thanh Từ.

- Hsi-t'ang Chih-tsang – Tây Đường Trí Tạng (734-814)
- Pai-chang Huai-hai - Bá Trượng Hoài Hải
- Nan-ch'uan P'u-yuan - Nam Tuyên Phổ Nguyên (747-834)
- Ta-chu Hui-hai - Đại Châu Huệ Hải
- Shi-kung Hui-tsang - Thạch Củng Huệ Tạng
- Ma-ku Pao-ch'e – Ma Cốc Bảo Triệt
- Ta-mei Fa-ch'ang - Đại Mai Pháp Thường
- Fen-chou Wu-yeh - Phần Châu Vô Nghiệp (761-823)
- Wu-tai Yin-feng - Đặng Ân Phong ?
- Hung-chou Shui-lao - Hằng Châu Thiên Long
- Layman P'ang-yun – cư sĩ Bàn Uẩn (?-808)
- Kuei-tsung Chih-ch'ang – Quy Tông Trí Thường

Đến đây là hết phần tóm lược cuốn sách của tỳ kheo Cheng Chien.



---o0o---

HẾT

---

<sup>1</sup> Cuốn sách **Sun Face Buddha** không giới thiệu nhiều về tác giả nên không rõ tác giả tu hành theo pháp môn nào. Chỉ biết là tác giả đã thọ giới tỳ kheo tại Sri Lanka năm 1983. Theo cuốn sách này và cuốn thứ hai là “Manifestation of the Tathagata” (Phẩm Như Lai xuất hiện) trích trong kinh Hoa Nghiêm thì tác giả chuyên về tông Hoa Nghiêm.

<sup>2</sup> Tông Mật cùng thời với tổ Lâm Tế, đầu thế kỷ thứ chín. Pháp môn thiền của Tông Mật không theo đường lối tu hành của tổ Bồ Đề Đạt Ma, Lục tổ Huệ Năng, cho đến Lâm Tế. Vấn đề không phải là so sánh pháp môn nào hay hoặc dở, vì tùy căn cơ mỗi người, nhưng là để phân biệt cho rõ ràng. Pháp môn Thiền của một vị tổ Hoa Nghiêm tông đề ra không giống pháp môn của các vị tổ Thiền tông thì cũng là điều tự nhiên.

<sup>3</sup> Tác giả trình bày nhiều về Tông Mật Khuê Phong, vị tổ thứ năm của tông Hoa Nghiêm, đặc biệt là tác phẩm “Thiền Nguyên Chư Thuyên Đô Tập”. Tông Mật theo học các thiền sư Đạo Viên, Kinh Nam Trương, Thần Chiếu, khoảng 7 năm, sau đó là đệ tử của Trùng Quán, vị tổ thứ tư tông Hoa Nghiêm. Tông Mật thông thạo “ba tạng giáo điển, phối hợp cả giáo lý gồm Kinh, Luật, Luận và Thiền” (trích “Nguồn Thiền giảng giải” của HT Thích Thanh Từ). Tác giả Cheng Chien đã trích dẫn trong cuốn sách trên những điểm Tông Mật chỉ trích Thiền Tông. Tông Mật chỉ rõ đường lối tu Thiền theo ý kiến của sư: Thiền Giáo song tu, Biết vọng là tu, Vọng niệm hết sạch là tu thành công ...